

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1714/SNNPTNT-QLCL

Kiên Giang, ngày 06 tháng 10 năm 2022

V/v kiểm điểm việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, sơ kết về công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Kính gửi:

- Thanh tra Sở;
- Chi cục: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản và Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng Kinh tế, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thành phố.

Trong thời gian qua các đơn vị đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, báo cáo sơ kết về công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm theo hướng dẫn tại Công văn số 8929/BNN-QLCL ngày 27/11/2019, Thông tư số 01/2020/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2020, Công văn số 3715/BNN-QLCL ngày 16/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Công văn số 1499/SNNPTNT-QLCL ngày 04/12/2019, Công văn số 829/SNNPTNT-QLCL ngày 08/7/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị không gửi báo cáo hoặc báo cáo còn sơ sài, không theo đúng biểu mẫu của Bộ hoặc gửi không đúng hạn, gây khó khăn trong việc tổng hợp số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Sở. Thống kê 09 tháng đầu năm 2022 cho thấy:

1. Về thực hiện chế độ báo cáo:

Đã có 7/20 đơn vị gửi báo cáo, trong đó: có 5 đơn vị nghiêm túc tuân thủ chế độ báo cáo, 2/20 đơn vị gửi báo cáo nhưng không đủ 9 kỳ và 13/20 đơn vị còn lại hoàn toàn không gửi báo cáo.

2. Về chất lượng báo cáo:

Một số đơn vị có nội dung báo cáo sơ sài hoặc không điền đầy đủ biểu số liệu hướng dẫn trong báo cáo (*Chi tiết tại Phụ lục gửi kèm*).

Nhằm đảm bảo đủ thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm của Sở và đạt được mục tiêu đề ra trong kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt một số công việc như sau:

- Nghiêm túc thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, báo cáo sơ kết và tổng kết năm của Sở (báo cáo đúng hạn và đầy đủ nội dung như biểu mẫu tại Công văn số 8929/BNN-QLCL ngày 27/11/2019, Thông tư số 01/2020/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2020, Công văn số 3715/BNN-QLCL ngày 16/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Công văn số 1499/SNNPTNT-QLCL ngày 04/12/2019, Công văn số 829/SNNPTNT-QLCL ngày 08/7/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đây cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để xếp loại công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của Sở hằng năm.

- Biểu mẫu báo cáo đối với các đơn vị trực thuộc Sở:

+ Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Phụ lục II và biểu số 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 14, 15, 16.1, 16.2 Phụ lục III; Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản .

+ Thanh tra Sở: Phụ lục II và biểu số 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 16.1, 16.2 Phụ lục III; Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

+ Chi cục Trồng trọt và BVTV: Phụ lục II và biểu số 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 11, 16.1, 16.2 Phụ lục III; Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Phụ lục II và biểu số 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9, 11, 12, 13.1, 13.2, 16.1, 16.2 Phụ lục III; Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

+ Chi cục Thủy sản: Phụ lục II và biểu số 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9, 11, 15, 16.1, 16.2 Phụ lục III, Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

+ Trung tâm Khuyến nông: Phụ lục II và biểu số 1, 2, 3, 4, 15, 16.1, 16.2 Phụ lục III; Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

- Biểu mẫu báo cáo đối với các Phòng Kinh tế, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, thành phố:

Phụ lục II và biểu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.1, 13.2, 15, 16.1, 16.2 Phụ lục III; Phụ lục số 01 và số 02 Công văn số 1240/QLCL-KHTC ngày 23/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

(Ghi chú: Biểu mẫu báo cáo được đăng tải trên Website của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: <http://nafiqad.gov.vn>).

- Thời hạn báo cáo:

+ Báo cáo định kỳ hằng tháng: gửi trước **ngày 15** hằng tháng.

+ Báo cáo sơ kết 6 tháng: gửi trước ngày **10 tháng 6** hằng năm.

+ Báo cáo tổng kết năm: gửi trước ngày **10 tháng 12** hằng năm.

Báo cáo định kỳ hằng tháng, báo cáo sơ kết và tổng kết năm: các đơn vị gửi báo cáo văn bản ký và đóng dấu chính thức về Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, địa chỉ cơ quan: số 09, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (*file word đính kèm gửi qua địa chỉ Email: lhanh.snn@kiengiang.gov.vn điện thoại liên hệ: Lê Hùng Anh, 0297 3 962 020, di động: 0913 788 031*)

- Rà soát, đề cử cán bộ đầu mối làm công tác báo cáo định kỳ, báo cáo sơ kết và tổng kết năm, cụ thể như sau:

Tên đơn vị báo cáo	Tên cán bộ đầu mối báo cáo	Chức vụ	Số điện thoại	Email
--------------------	----------------------------	---------	---------------	-------

Đề nghị lãnh đạo của các đơn vị quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt theo tinh thần công văn này./. *VT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website;
- Lưu: VT, QLCL, lhanh.



Quảng Trọng Thảo



**ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA CÁC ĐƠN VỊ
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

STT	Tên các tỉnh	Thực hiện chế độ báo cáo			Chất lượng báo cáo		
		Đã báo cáo đủ 09 kỳ báo cáo	Không báo cáo đủ 09 kỳ báo cáo	Không gửi báo cáo kỳ nào	Đúng, đủ biểu số liệu	Không đủ biểu số liệu	Chỉ báo cáo lời không có biểu số liệu kèm theo
Đơn vị trực thuộc Sở							
1	Thanh tra Sở	X			X		
2	Chi cục Trồng trọt và BVTV	X			X		
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	X			X		
4	Chi cục Thủy sản		X			X	
5	Trung tâm Khuyến nông			X			
Phòng Kinh tế, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, thành phố							
1	Thành phố Rạch Giá	X			X		
2	Thành phố Hà Tiên			X			
3	Huyện Hòn Đất			X			
4	Huyện Kiên Lương			X			
5	Huyện Giang Thành			X			
6	Huyện Châu Thành			X			
7	Huyện Tân Hiệp	X			X		
8	Huyện An Biên			X			

STT	Tên các tỉnh	Thực hiện chế độ báo cáo			Chất lượng báo cáo		
		Đã báo cáo đủ 09 kỳ báo cáo	Không báo cáo đủ 09 kỳ báo cáo	Không gửi báo cáo kỳ nào	Đúng, đủ biểu số liệu	Không đủ biểu số liệu	Chỉ báo cáo lời không có biểu số liệu kèm theo
9	Huyện An Minh			X			
10	Huyện U Minh Thượng			X			
11	Huyện Vĩnh Thuận			X			
12	Huyện Giồng Riềng			X			
13	Huyện Gò Quao			X			
14	Huyện Kiên Hải			X			
15	Huyện Phú Quốc		X		X		
TỔNG		5	2	13	6		